

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông (PT) cần đảm bảo định hướng tích hợp một cách triệt để hơn

1.2. Việc dạy học đọc hiểu văn bản (ĐHVB) cần phải xuất phát từ văn bản và bám sát văn bản

1.3. Thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở Trung học cơ sở (THCS) đòi hỏi cần tận dụng khả năng hỗ trợ ĐHVB của ngôn ngữ học văn bản (NNHVB)

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận án chỉ lựa chọn trình bày các nội dung lí thuyết NNHVB có ý nghĩa trực tiếp hoặc có liên quan đến việc dạy học ĐHVB. Để có điều kiện nghiên cứu sâu hơn, luận án đã chọn một loại văn bản tự sự trong chương trình (CT) Ngữ văn THCS là truyện dân gian để xem xét, với mong muốn đề xuất được những cách thức vận dụng NNHVB vào dạy học đọc hiểu các truyện dân gian một cách cụ thể, phù hợp, hiệu quả.

3. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu vận dụng NNHVB vào dạy học văn bản nói chung

NNHVB được coi là “một khoa học đầy triển vọng” bởi nó đã mở ra và hứa hẹn nhiều khả năng nghiên cứu và vận dụng. Từ cuối thập kỉ 80 của thế kỉ XX, việc nghiên cứu ứng dụng NNHVB vào việc dạy học tạo lập và tiếp nhận văn bản ở trong nước trở nên thường xuyên và chính thức. Sách giáo khoa (SGK) và sách giáo viên (SGV) Tiếng Việt và Làm văn của trung học phổ thông (THPT) (CT chỉnh lí hợp nhất năm 2000) đã đưa một số kiến thức ngữ pháp văn bản vào CT lớp 10 và lớp 11. Các công trình: *Ngữ pháp văn bản và việc dạy làm văn* (1985) của các tác giả Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Quang Ninh, Trần Ngọc Thêm; *Ngữ pháp văn bản phục vụ chương trình cải cách giáo dục* (1989) của tác giả Nguyễn Quang Ninh đã bàn về việc vận dụng NNHVB, ngữ pháp văn bản vào việc dạy học Làm văn trong nhà trường (NT).

Việc vận dụng NNHVB vào dạy học tiếp nhận văn bản nói chung và phân tích, tiếp nhận văn bản văn học trong NT nói riêng cho đến nay chưa có nhiều tác giả và tài liệu nghiên cứu. Đề cập đến vấn đề này rõ hơn cả là *Giảng văn dưới ánh sáng ngôn ngữ học* (1986) của tác giả Đái Xuân Ninh, *Dạy học Tập đọc ở Tiểu học* (2001) của tác giả Lê Phương Nga, *Dạy học đọc hiểu ở Tiểu học* (2002) của tác giả Nguyễn Thị Hạnh. Các tác giả đã khẳng định việc nghiên cứu những lí thuyết về lời nói, về sử dụng ngôn ngữ, về văn bản có thể giải đáp những vấn đề: Đọc hiểu là gì? Đọc hiểu các kiểu văn bản khác nhau thì có gì khác nhau?. Tuy nhiên, các tác giả không bàn đến việc vận dụng những yếu tố cụ thể của NNHVB vào dạy học đọc hiểu một thể loại văn bản nào.

Một bộ phận của lí luận văn học cũng nghiên cứu về quá trình tiếp nhận văn học. Việc nghiên cứu về tiếp nhận văn học dưới góc độ thi pháp trong lí luận văn học cũng kết tinh nhiều thành tựu: *Giáo trình thi pháp học* (1993), *Một số vấn đề thi pháp học hiện đại* (1993), *Dẫn luận thi pháp học* (1998) của tác giả Trần Đình Sử, *Những vấn đề thi pháp của truyện* (1999) của tác giả Nguyễn Thái Hòa. Theo hướng nghiên cứu này, các tác giả rất chú trọng vấn đề thể loại của văn bản, bởi đây là đầu mối chi phối tất cả các yếu tố hình thức khác của văn bản...

Tuy vậy, vẫn chưa có ai chỉ ra một cách rõ ràng chỗ đứng của ngôn ngữ học nói chung, NNHVB nói riêng trong hoạt động tiếp nhận văn học, từ đó đưa ra những kết luận cụ thể về cách khai thác các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình tiếp nhận văn học.

3.2. Nghiên cứu vận dụng NNHVB vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian

Các cuốn sách như: *Cổ tích thần kì người Việt, đặc điểm cấu tạo cốt truyện* (1994) của tác giả Tăng Kim Ngân, *Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường* của tác giả Nguyễn Xuân Lạc, *Truyện kể dân gian, đọc bằng type và motif* (2001) của tác giả Nguyễn Tấn Đắc đã khảo sát và chỉ ra những vấn đề quan trọng cần quan tâm khi tiếp cận văn bản văn học dân gian. Ngoài ra, việc vận dụng thi pháp học nói chung, thi pháp truyện dân gian vào việc tiếp nhận và cảm hiểu những văn bản truyện dân gian cũng đã được các tác giả Chu Xuân Diên, Nguyễn Xuân Đức, Trần Đức Ngôn, Lê Trường Phát, Vũ Anh Tuấn, Lê Chí Quế, Đỗ Bình Trị... đề cập đến nhiều ở các chuyên luận, sách báo, tạp chí trong thời gian gần đây. Có thể thấy việc đưa thi pháp học vào nghiên cứu văn học dân gian một mặt đã làm cho việc tiếp cận các tác phẩm văn học dân gian trở nên lí thú hơn; một mặt đã kéo theo việc vận dụng những tri thức NNHVB vào quá trình tiếp cận văn bản.

Tuy vậy, nghiên cứu về việc vận dụng những tri thức NNHVB cụ thể vào hoạt động dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS nhằm giúp cho việc dạy học ĐHVB trong NT khoa học hơn, hiệu quả hơn vẫn chưa được bàn tới một cách trực tiếp. Luận án này sẽ là những thử nghiệm mang tính khả thi cho quá trình đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) Ngữ văn, gợi ý cho giáo viên (GV) PT cách thức tổ chức dạy học đọc hiểu các truyện dân gian ở THCS trên cơ sở vận dụng NNHVB.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu chính của luận án là nghiên cứu việc dạy học đọc hiểu truyện dân gian gắn với dạy học NNHVB. Đây là biểu hiện của sự vận dụng mối quan hệ tương tác giữa Ngữ và Văn: dùng kiến thức ngôn ngữ học để khai thác văn học, qua văn học mà củng cố vững chắc kiến thức ngôn ngữ học.

4.2. Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Trình bày những nội dung nghiên cứu của NNHVB có ý nghĩa đối với việc dạy học ĐHVB; khảo sát thực tiễn dạy học ĐHVB ở trường PT, đánh giá khả năng vận dụng nội dung đó vào dạy học ĐHVB trong NT. Điều này đồng nghĩa với việc xác định cơ sở khoa học và thực tiễn của việc vận dụng NNHVB vào dạy học ĐHVB ở trường PT.

- Lựa chọn những tri thức NNHVB thiết thực nhất, phù hợp nhất với việc dạy học ĐHVB cho HS THCS và đề xuất cách thức đưa những tri thức ấy vào hoạt động dạy học đọc hiểu truyện dân gian. Những cách thức này được xác lập dựa trên cơ sở phân tích bản thân CT Ngữ văn THCS hiện hành, đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của HS THCS và thực trạng dạy học Ngữ văn trong nhà trường.

- Thực nghiệm những đề xuất đó trong thực tế dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS để xem xét và khẳng định tính khả thi của những đề xuất về cách thức vận dụng NNHVB vào dạy học ĐHVB.

5. Phương pháp nghiên cứu

Các PP nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong quá trình triển khai luận án là:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp và khái quát hóa tài liệu
- Phương pháp điều tra, khảo sát thực tiễn
- Phương pháp thực nghiệm sư phạm
- Các phương pháp khác: phương pháp nghiên cứu điển hình, phương pháp thống kê giáo dục học...

6. Giả thuyết khoa học

Một số thành tựu nghiên cứu của NNHVB rất có ý nghĩa đối với việc dạy học đọc hiểu nhưng chưa được nghiên cứu cụ thể để vận dụng vào hoạt động dạy học ĐHVB ở trường PT. Nếu nghiên cứu vận dụng được thành tựu của lí thuyết NNHVB vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian thì việc đọc hiểu truyện dân gian của HS THCS sẽ mang tính khoa học và hiệu quả hơn; thông qua hoạt động ĐHVB, các thao tác và phẩm chất tư duy của học sinh (HS) cũng sẽ được rèn luyện và củng cố.

7. Đóng góp của luận án

- Việc tìm hiểu, lựa chọn, tổng hợp những tri thức NNHVB có liên quan đến việc tiếp nhận văn bản cũng như chỉ ra một cách tường minh khả năng ứng dụng những tri thức ấy vào dạy học ĐHVB ở trường PT trong luận án này sẽ giúp GV ý thức được về tính khoa học của việc dạy học ĐHVB văn học, đảm bảo định hướng tích hợp Ngữ và Văn trong dạy học Ngữ văn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Ngữ văn trong NT.

- Luận án đã làm rõ các tri thức NNHVB cụ thể có thể vận dụng, các thao tác vận dụng cụ thể, cũng như đề xuất những cách thức chung để giải quyết một vấn đề cụ thể của văn bản trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS sao cho ở đó, NNHVB phát huy được vai trò khoa học của mình.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài Mở đầu và Kết luận, luận án gồm 3 chương:

Chương 1: NNHVB và việc dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Chương 2: Vận dụng một số thành tựu của NNHVB vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS:

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm

CHƯƠNG 1: NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN VÀ VIỆC DẠY HỌC ĐỌC HIỂU TRUYỆN DÂN GIAN Ở THCS

1.1. Một số nội dung quan trọng của NNHVB có ý nghĩa đối với việc dạy học ĐHVB

Kết quả nghiên cứu của NNHVB rất phong phú, bộn bề. Luận án chỉ chọn trình bày một số nội dung quan trọng của NNHVB có ý nghĩa đối với việc dạy học ĐHVB.

1.1.1. Khái niệm văn bản

Có nhiều quan niệm khác nhau về văn bản. Luận án chọn khái niệm về văn bản được nêu trong các tài liệu SGK, SGV THCS và THPT hiện hành: “Tất cả mọi sản phẩm của hoạt động giao tiếp (chuỗi lời nói miệng hay bài viết) có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích giao tiếp đều được gọi là văn bản”. Cách trình bày khái niệm văn bản này giúp cho HS dễ dàng nhận diện văn bản, không phải giải quyết mối quan hệ đồng nhất và đối lập vốn rất phức tạp giữa ngôn ngữ và lời nói, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, dạng nói và dạng viết...

1.1.2. Các đặc trưng của văn bản

Đây là thành tựu nghiên cứu quan trọng của NNHVB, có thể coi như là cơ sở quan trọng để xác định cách thức và yêu cầu của việc tiếp nhận văn bản nói chung cũng như rèn luyện các thao tác cần thiết trong dạy học ĐHVB.

1.1.2.1. Tính hoàn chỉnh và tính khả phân của văn bản

Văn bản là sự tập hợp của nhiều câu, nhiều đoạn, nhiều chương, nhiều phần... và các bộ phận khi đặt cạnh nhau này phải tạo thành một thể thống nhất hoàn chỉnh. Tính hoàn chỉnh của văn bản “đồng thời được thể hiện dưới dạng tính hoàn chỉnh về cấu trúc, nghĩa và giao tiếp; những yếu tố này tương ứng với nhau như hình thức, nội dung và chức năng”. Tính hoàn chỉnh của văn bản cũng gắn bó chặt chẽ với khả năng phân tách văn bản thành những đơn vị nhỏ hơn, được gọi là tính khả phân của văn bản.

Đặc trưng chỉnh thể và khả phân của văn bản cho phép và cũng đòi hỏi người ĐHVB trước hết phải quan tâm tới văn bản ở góc độ cấu trúc. Có nghĩa là tiếp cận văn bản, người đọc phải làm rõ được: các yếu tố nào làm nên văn bản, bản chất, chức năng của mỗi yếu tố và quan hệ giữa các yếu tố đó như thế nào... Các đặc trưng này của văn bản không cho phép người đọc xa rời văn bản, mượn văn bản để nói nội dung khác.

1.1.2.2. Tính liên kết của văn bản

Tính liên kết là cơ sở để tạo nên tính chỉnh thể của văn bản. Đó là những mối quan hệ qua lại chặt chẽ giữa các câu, giữa các đoạn, giữa các phần, các bộ phận của văn bản trên cả hai phương diện quan hệ của văn bản: quan hệ hướng nội (tạo thành liên kết hướng nội hay liên kết nội tại) và quan hệ hướng ngoại (tạo thành liên kết hướng ngoại hay liên kết ngoài văn bản). Khi xem xét văn bản, việc làm sáng tỏ sự liên kết trên cả hai phương diện quan hệ và sự tác động qua lại của các quan hệ hướng ngoại đối với bản thân cấu trúc nội tại của văn bản là một việc rất quan trọng.

Đặc trưng liên kết gắn bó, thống nhất với đặc trưng hoàn chỉnh của văn bản và cùng có ý nghĩa quan trọng đối với việc dạy học ĐHVB. Việc dạy học ĐHVB phải xuất phát từ chỉnh thể văn bản, đảm bảo phản ánh đúng đắn tổ chức của văn bản dưới góc độ cấu trúc. Tuy nhiên, văn bản chỉ bộc lộ đúng giá trị của nó khi nó được đặt trong hoạt động giao tiếp. Do đó, việc dạy học ĐHVB còn phải nhận thức và giải quyết được mối quan hệ giữa văn bản với các nhân tố giao tiếp, với hệ thống các đơn vị ngôn ngữ... Những hiểu biết về đặc trưng liên kết của văn bản sẽ giúp cho người đọc giải quyết được các mối quan hệ của văn bản một cách rõ ràng và dễ dàng hơn.

1.1.2.3. Tính hướng đích của văn bản

Văn bản là sản phẩm của quá trình giao tiếp; cho nên mục đích của giao tiếp cũng chính là mục đích của văn bản. Mục đích giao tiếp quy định việc lựa chọn và tổ chức chất liệu nội dung, làm cho văn bản luôn chứa đựng nội dung thông tin và nội dung này tạo ra các bình diện ngữ nghĩa của văn bản: đó là nghĩa sự vật (bao gồm những hiểu biết, những nhận thức về thế giới xung quanh, về xã hội và về chính bản thân con người), nghĩa liên cá nhân (bao gồm thông tin về những cảm xúc, tình cảm, thái độ của người viết đối với đối tượng, sự việc được đề cập đến, đối với người tham gia hoạt động giao tiếp). Đích của văn bản còn quy định việc lựa chọn phương tiện ngôn ngữ và tổ chức văn bản theo một cách thức nhất định (gọi là phong cách chức năng). Như vậy, đầu mối của quá trình sản sinh văn bản là mục đích giao tiếp của người nói, người viết. Văn bản chỉ là phương tiện để người sản sinh ra nó thực hiện mục đích giao tiếp mà thôi. Không có mục đích giao tiếp, văn bản không được sinh ra; không rõ mục đích giao tiếp, văn bản khó có cơ hội được sử dụng và tồn tại. Do đó, khi ĐHVB, nếu người đọc không nắm bắt được mục đích giao tiếp của người sản sinh văn bản (cũng là mục đích của văn bản) thì coi như người đọc chưa hiểu gì về nội dung của văn bản.

1.2. ĐHVB dưới góc nhìn của NNHVB và ý nghĩa của việc vận dụng NNHVB vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

1.2.1. Quan niệm về ĐHVB

Các quan niệm về ĐHVB đều thống nhất coi đọc hiểu là quá trình giải mã hệ thống kí hiệu và cấu trúc ngôn ngữ của văn bản để phát hiện, tổng hợp những tầng ý nghĩa đã được người viết mã hoá trong đó, nhằm nắm bắt được ý đồ sản sinh văn bản của người nói, người viết.

1.2.2. ĐHV B dưới góc nhìn của NNHV B

1.2.2.1. Đích của ĐHV B là xác lập nghĩa của văn bản

1.2.2.2. Giải mã hiệu quả những mối quan hệ liên kết của văn bản sẽ nâng cao chất lượng ĐHV B

1.2.2.3. ĐHV B là một quá trình phân tích văn bản

1.2.3. Ý nghĩa của việc vận dụng NNHV B vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

1.2.3.1. Yêu cầu của việc dạy học ĐHV B trong NT

CT Ngữ văn hiện nay xác định cả ba bộ phận Đọc văn, TV, LV đều có đối tượng nghiên cứu chung là văn bản tiếng Việt và có mục tiêu chung là rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Năng lực tiếng Việt phải biểu hiện thành năng lực đọc hiểu. Dạy học ĐHV B trong NT một cách đúng đắn sẽ giáo dục cho HS ý thức tôn trọng tính khách quan của văn bản, rèn luyện cho HS tính trung thực, không tùy tiện thay đổi văn bản của người khác vì động cơ cá nhân của mình.

1.2.3.2. Các ý nghĩa cơ bản của việc vận dụng NNHV B vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

- Vận dụng NNHV B vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH và nhiệm vụ phát triển năng lực tư duy cho HS.

- Vận dụng NNHV B vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian đảm bảo tính kế thừa và tính tích hợp của chương trình Ngữ văn ở THCS

1.3. Thực tiễn dạy học ĐHV B truyện dân gian ở THCS

Từ việc tìm hiểu thực tiễn kết hợp với khảo sát giáo án dạy học ĐHV B của GV THCS có thể đưa ra một vài nhận xét bước đầu như sau: Những kiến thức ngôn ngữ học chưa thực sự có mặt nhiều trong các giờ ĐHV B, ngay cả những kiến thức về văn bản, giao tiếp trong các tuần liên kế của phần học này cũng chưa được quan tâm và vận dụng một cách đúng mức trong quá trình dạy học đọc hiểu các truyện dân gian ở THCS. Việc dạy học ĐHV B truyện dân gian dường như vẫn còn thiên nhiều về sự tiếp nhận văn bản một cách cảm tính và kinh nghiệm chủ nghĩa; cả GV và HS đều chưa ý thức được sự cần thiết của việc vận dụng những tri thức đọc văn đã và đang được cung cấp đồng thời, chưa tìm ra được con đường để đến với các kỹ năng tiếp cận văn bản, yếu tố quan trọng để thúc đẩy quá trình tự học của HS.

Việc tiếp nhận các tri thức NNHV B đối với HS ở đầu cấp THCS là không dễ dàng, việc vận dụng các tri thức ấy vào các hoạt động thực tiễn còn khó khăn hơn nhiều. Tuy nhiên, nếu biết cách vận dụng từng bước thì hiệu quả của việc vận dụng ấy sẽ rất thiết thực, đặc biệt trong việc đọc hiểu các loại văn bản cụ thể. Nó có thể tạo ra thói quen tốt cho HS trong việc tiếp nhận tất cả các loại văn bản của xã hội. Vì vậy, luận án này đã đề xuất một hướng dạy học đọc hiểu truyện dân gian cho HS THCS: xuất phát từ các đặc trưng văn bản của truyện dân gian để dạy học đọc hiểu các văn bản ấy.

CHƯƠNG 2

VẬN DỤNG MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN VÀO DẠY HỌC ĐỌC HIỂU TRUYỆN DÂN GIAN Ở THCS

2.1. Một số định hướng cho việc dạy học đọc hiểu truyện dân gian trong nhà trường

Dưới góc nhìn NNHVB, một mặt, các bản kể truyện dân gian đã thể hiện rất đầy đủ đặc trưng của văn bản nói chung; mặt khác, cũng thể hiện những nét khác biệt nhất định của một loại văn bản đặc thù: truyện dân gian.

2.1.1. Xác định tư cách văn bản của truyện dân gian trong hoạt động tiếp nhận

2.1.1.1. Truyện dân gian là sản phẩm của một quá trình giao tiếp đặc biệt

2.1.1.2. Truyện dân gian là một văn bản hoàn chỉnh ở tại một hoàn cảnh, một thời điểm kể chuyện xác định

2.1.1.3. Các yếu tố và quan hệ liên kết trong truyện dân gian mang đặc thù văn hóa dân gian

2.1.1.4. Truyện dân gian chỉ thể hiện đầy đủ và chính xác đích của văn bản trong một hoàn cảnh kể chuyện cụ thể

2.1.1.5. Truyện dân gian thể hiện rõ đặc trưng của văn bản tự sự

Những đặc điểm tương đồng và khác biệt của văn bản truyện dân gian so với các văn bản khác có thể được xem như là căn cứ để đề xuất một cách đọc hiểu truyện dân gian phù hợp.

2.1.2. Chú trọng khai thác các đặc trưng văn bản của truyện dân gian trong dạy học đọc hiểu

Khi đã được xác định tư cách văn bản trong quá trình tiếp nhận, các truyện dân gian sẽ phải được dạy học đọc hiểu như các văn bản bình thường khác. Có thể coi những yêu cầu dưới đây như là một số nguyên tắc đọc hiểu truyện dân gian xét trên bình diện lí thuyết NNHVB:

2.1.2.1. Coi các biểu hiện liên kết văn bản là một phương diện tiếp nhận văn bản

2.1.2.2. Đọc hiểu truyện dân gian trên nguyên tắc tôn trọng tính chỉnh thể văn bản

2.1.2.3. Đặc biệt chú ý đến đích của truyện dân gian trong ĐHVB

2.2. Một số cách thức vận dụng ngôn ngữ học văn bản vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

2.2.1. Vận dụng tri thức về các vị trí mạnh của văn bản để dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Trong các truyện dân gian, các vị trí mạnh của văn bản: tên văn bản, phần mở, phần kết, hệ thống từ ngữ chủ đề, kiểu cấu trúc lặp lại, các câu chủ đề của đoạn, các tiêu đề, tiêu mục, mục lục... có khả năng biểu thị nội dung khá phong phú. Với mỗi thể loại văn bản, từng vị trí mạnh có vai trò và ý

nghĩa khác nhau trong việc biểu đạt những khía cạnh nội dung của văn bản. Tri thức về các vị trí mạnh của văn bản của thể được vận dụng để phân đoạn truyện, xác định ý chính, nắm cốt truyện, xác định đề tài, chủ đề của truyện và kể lại truyện trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS.

2.2.1.1. Khai thác đầu đề văn bản trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Đầu đề (hay tiêu đề của văn bản) là tên gọi của văn bản và là một bộ phận cấu thành của văn bản. Đầu đề của các truyện dân gian thể hiện và thỏa mãn được hai yêu cầu chính: một là không trùng lặp, hai là phải có quan hệ với chủ đề ở một phạm vi, mức độ nhất định. Cách đặt tên văn bản như vậy khiến cho việc tiếp nhận và lưu truyền các truyện dân gian trong nhân dân trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn, cụ thể là người kể chuyện thấy dễ giới thiệu, dễ nhớ, dễ kể; còn người nghe, người đọc thấy dễ nhớ, dễ hiểu. Trong hoạt động đọc hiểu truyện dân gian, tên văn bản có tác dụng định hướng cho HS trong việc nhận diện nhân vật chính hoặc các tuyến nhân vật chính của truyện, mục đích sáng tạo văn bản truyện của tác giả dân gian.

Tên của các văn bản truyện dân gian trong CT SGK chính là một phương tiện giúp HS nhận diện sơ bộ nội dung văn bản một cách hữu hiệu. GV có thể căn cứ vào phương pháp (PP), biện pháp (BP) dạy học, tùy vào đặc điểm trình độ HS mà gọi ra những câu hỏi hoặc đặt ra những yêu cầu khác nhau, vào các thời điểm khác nhau của giờ học nhằm hướng HS tới việc khai thác đầu đề của văn bản. Các câu hỏi và yêu cầu liên quan đến việc khai thác đầu đề của văn bản truyện kể cần được thể hiện dưới những hình thức khác nhau, ở các mức độ dễ - khó khác nhau, đòi hỏi các mức độ tư duy khác nhau. Ví dụ: *Tên văn bản thể hiện yếu tố gì của truyện? Cách đặt tên như vậy nói lên điều gì, có tác dụng gì? Vì sao truyện kể lại được đặt tên như vậy? Đặt bằng tên khác có được không?* Với những văn bản truyện kể có đầu đề tương ứng với một sự việc quan trọng của truyện, GV có thể dừng lại ở sự việc ấy trong quá trình tìm hiểu cốt truyện để đặt câu hỏi cho HS.

Tên truyện nằm ở đầu truyện, song điều đó không có nghĩa là việc tìm hiểu, khai thác giá trị của tên văn bản luôn được thực hiện trước hết và cũng không thể tiếp cận đầu đề của tất cả các văn bản theo cùng một cách. Đồng thời không phải với văn bản truyện nào cũng cần thiết khai thác đầu đề khi tổ chức dạy học đọc hiểu. Cũng như với các vị trí mạnh của văn bản sau đây, GV và HS chỉ khai thác đầu đề khi nó có giá trị đối với việc hiểu nội dung và hình thức của văn bản.

2.2.1.2. Khai thác phần mở của văn bản trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Yêu cầu đối với phần mở của văn bản tùy thuộc vào kiểu loại văn bản và đặc điểm khuôn hình của nó. Trong văn bản tự sự, người kể chuyện thường

trình bày một chuỗi các sự việc về một nhân vật nào đó; cho nên có thể dành phần mở để giới thiệu về nhân vật đó, cũng có thể dùng phần mở vào việc trình bày luôn vào sự việc thứ nhất mang tính chất mở đầu trong chuỗi sự việc.

Phần mở của các truyện dân gian thường bắt đầu bằng một câu kể chứa đựng một số thông tin về thời gian, nơi chốn... của chuyện, dưới hình thức là kiểu câu tồn tại có động từ *có*... Hầu hết các thông tin thời gian, nơi chốn đều mang tính phiếm chỉ: *ngày xưa, thuở ấy, vùng nọ, làng kia*... Tuy vậy, khi được cố định trong một bản kể cụ thể, trong hình thức kể đặc trưng của truyện dân gian, những thông tin này có tác dụng quan trọng trong việc gọi ra không khí kể “truyện dân gian”. Nó thuộc về mô típ kể chuyện chung của truyện dân gian

Phần mở của các bản kể truyện dân gian trong CT dạy học ĐHVB ở THCS hiện nay khá rõ ràng và thể hiện được đầy đủ chức năng của phần mở trong văn bản tự sự. Do đó, khi dạy học đọc hiểu các văn bản này, trước hết, GV cần hướng dẫn cho HS đánh dấu (hoặc ghi lại) những thông tin cần thiết trong phần mở truyện bằng một số câu hỏi định hướng như: *Truyện này kể về những nhân vật nào? Nhân vật ấy có đặc điểm gì? Câu chuyện bắt đầu từ đâu? Không gian của truyện kể là gì? Ai là người kể chuyện? Người kể chuyện đứng ở ngôi kể nào? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào đối với câu chuyện được kể và đối với người nghe?*... Nếu phần mở truyện tương ứng với một sự việc tiêu biểu trong cốt truyện thì việc tìm hiểu chi tiết về sự việc mở đầu này sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với việc tìm hiểu nội dung cũng như liên kết của truyện kể.

Do phần mở của các truyện dân gian trong CT khá rõ ràng, dễ nắm bắt nên HS THCS có thể dễ dàng tiếp cận cốt truyện của truyện kể qua những thông tin ban đầu được phần mở truyện cung cấp. Tiếp cận phần mở của truyện kể để làm sáng rõ đề tài - chủ đề, làm sáng tỏ mạch lạc của cốt truyện không những làm cho giờ học đọc hiểu truyện dân gian hấp dẫn hơn mà chắc chắn hiệu quả của giờ học ấy cũng sẽ cao hơn.

2.2.1.3. Khai thác phân kết của văn bản trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Phân kết có tác dụng tạo cho văn bản tính chất kết thúc, tính chất “đóng” về cả phương diện nội dung lẫn phương diện hình thức. Phân kết trong các văn bản truyện dân gian thường tương ứng với sự việc kết thúc trong cốt truyện, là kết quả của chuỗi sự việc trước đó nên mở đầu phân kết hoặc câu kết thường có “từ đó...”. Ngoài ra, trong một số truyện dân gian, phân kết cũng có thể được dành để nêu lên một bài học nhân sinh, đưa ra một lời khuyên hoặc một lời bình luận thể hiện rõ tính tình thái: “*Đáng đời....*”, “*Rõ đúng...*”, “*Thế mới thấy...*”. Đó là chủ đề, đồng thời cũng là đích của văn

bản. Khi gặp những bản kể có phần vĩ thanh, HS có thể xem xét và tìm kiếm chủ đề của truyện ở phần này.

GV có thể định hướng việc khai thác chủ đề và đích của truyện kể bằng một số yêu cầu, câu hỏi có dạng như: *Kết thúc truyện ở sự việc (...) có được không? Vì sao? - Kết truyện ở chi tiết (...) đã làm em thấy thỏa mãn chưa chưa? Vì sao? - Hãy đề xuất một kết truyện theo em hợp lí hơn hoặc lí thú hơn. Nói với các bạn cùng nhóm về ý tưởng ấy để tìm sự đồng tình. - Chủ đề của truyện được thể hiện ở phần kết của truyện như thế nào? - Qua phần kết của truyện, em nhận được bài học nhận thức gì?...*

Do phần kết của văn bản thường được khai thác ở phần cuối của giờ học nên tùy thuộc vào quỹ thời gian còn lại của giờ học, GV có thể phát huy trí tưởng tượng và sáng tạo của HS bằng những yêu cầu như: viết tiếp truyện, thay sự việc ở phần kết bằng một sự việc do HS đề xuất. Dư vị của giờ học đọc hiểu truyện dân gian trong HS nhiều khi được quyết định bởi chính cách thức khai thác phần kết của truyện mà GV và HS thực hiện.

2.2.1.4. Khai thác các sự việc, chi tiết tiêu biểu trong cốt truyện, hệ thống từ ngữ thể hiện chủ đề của văn bản trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Hệ thống sự việc là một phương diện đặc trưng của nội dung một văn bản thuộc loại hình tự sự. Nhận diện nhanh và đúng các sự việc tiêu biểu của truyện sẽ giúp việc nắm bắt cốt truyện trở nên dễ dàng hơn.

Việc xác định những sự việc tiêu biểu của cốt truyện theo diễn tiến thời gian hoặc hoạt động của nhân vật chính là phương án tốt nhất để nắm bắt nhanh nội dung văn bản. HS cần phải có kĩ năng nhận diện những từ ngữ gọi tên những sự việc, chi tiết tiêu biểu trong cốt truyện. Những từ ngữ này được gọi là hệ thống từ ngữ thể hiện chủ đề của văn bản. Trong một văn bản văn học có thể tồn tại nhiều hơn một hệ thống từ ngữ thể hiện chủ đề do tính đa nghĩa của văn bản văn học. Khi nhận diện hệ thống từ ngữ thể hiện chủ đề, người đọc không nên chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm, né ný và gọi tên các sự việc tiêu biểu của truyện mà còn phải nhận ra được trình tự xuất hiện cũng như quan hệ giữa các từ ngữ thể hiện chủ đề trong diễn tiến của cốt truyện.

Trong hoạt động trên lớp, tùy vào thể loại truyện dân gian, GV nên tạo điều kiện để HS thảo luận và xây dựng sơ đồ cốt truyện. Nếu có những câu hỏi gợi mở phù hợp, kết hợp với sử dụng sơ đồ để gọi tên các sự việc tiêu biểu theo hệ thống từ ngữ thể hiện chủ đề, GV có thể giúp HS nắm cốt truyện nhanh chóng và chắc chắn, đồng thời cũng làm rõ được các khía cạnh nội dung quan trọng khác của văn bản truyện kể như chủ đề, tư tưởng...

Cốt truyện của các truyện dân gian được chọn dạy học ĐHVB trong CT THCS đều rất quen thuộc đối với HS. GV cần sử dụng các câu hỏi định hướng giúp HS vượt qua ấn tượng về hoàn cảnh tiếp cận văn bản lần đầu tiên của cá

nhân, căn cứ vào những từ ngữ thể hiện chủ đề của truyện, những sự việc, mô típ kể chuyện quan trọng của truyện mà nắm bắt cốt truyện; việc làm này có ý nghĩa quyết định tính đúng đắn của bước đầu tiếp cận nội dung văn bản.

Những thông tin HS có được qua việc xem xét các vị trí mạnh của văn bản chỉ có ý nghĩa sơ bộ, ban đầu, nên khi vận dụng cách thức này, GV nên xây dựng hệ thống câu hỏi mở, mỗi câu hỏi có thể có nhiều cách trả lời, mỗi cách trả lời, mỗi câu trả lời mang ý nghĩa "gợi" nhiều hơn là khẳng định. Những tri thức ĐHV B có được này sẽ tiếp tục được HS tự thẩm định giá trị khi các em đi vào tìm hiểu sâu hơn đối với văn bản truyện kể.

2.2.2. Vận dụng tri thức về liên kết nội tại của văn bản vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

2.2.2.1. Về kết cấu và mạch lạc của truyện dân gian

Xem xét kết cấu của văn bản là xem xét chức năng tạo văn bản của các bộ phận có nghĩa trong văn bản và ý nghĩa của các bộ phận ấy đối với chức năng giao tiếp của văn bản.

Là văn xuôi truyền miệng nên truyện dân gian khó có thể có được một hình thức ngôn ngữ xác định; nhưng nhờ cách sắp xếp chi tiết, sự việc hoặc theo lô gíc thời gian hoặc theo lô gíc nhân quả đã tạo ra một sự ổn định trong kết cấu câu chuyện, một mặt tạo ra sự hợp lí cho cốt truyện, một mặt giúp người kể chuyện dễ nhớ, dễ kể do chi tiết nọ gợi chi tiết lên, câu chuyện được dẫn dắt tự nhiên như nó tự xảy ra vậy... Chính điều này đã tạo ra mạch lạc cho mỗi truyện dân gian.

2.2.2.2. Khai thác kết cấu và mạch lạc văn bản trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Việc tiếp nhận văn bản văn học của HS trong nhà trường phải đảm bảo được ở "cái tâm rộng" và cả bề sâu của văn bản. HS cần phải được xác định và củng cố những tri thức về kết cấu và mạch lạc văn bản trước khi đọc hiểu mạch lạc của bất kì một văn bản nào. Trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS, khai thác được kết cấu và mạch lạc văn bản góp phần lí giải, phân tích các vấn đề nội dung và hình thức của văn bản một cách đúng đắn.

Để HS THCS vừa có kiến thức về mạch lạc văn bản, vừa vận dụng được kiến thức ấy vào đọc hiểu một truyện dân gian cụ thể, trước hết GV vẫn tổ chức cho HS thâm nhập bản kể, khi HS gặp phải những vướng mắc nhất định mà những vướng mắc ấy chỉ có thể giải quyết được bằng tri thức về mạch lạc văn bản thì GV mới trao cho các em phương tiện "mạch lạc văn bản" như là trao chìa khóa để các em tự khám phá, giải thích, giải quyết vấn đề. Cách làm này tự nhiên hơn, phù hợp hơn với các điều kiện thực tiễn. Có thể vận dụng tri thức về các biểu hiện của mạch lạc trên các phương diện của truyện dân gian để dạy học đọc hiểu như: tính thống nhất đề tài - chủ đề của truyện, sự hợp lí trong triển khai chủ đề văn bản, trong trình tự các công thức trần thuật... Dưới

đây là một số thao tác của hoạt động nhận diện và vận dụng một vài biểu hiện của mạch lạc vào quá trình đọc hiểu truyện dân gian ở THCS:

2.2.2.2.1. Phân tích sự thống nhất và hợp lí của chủ đề so với đề tài

Mục đích của sự phân tích này là làm rõ sự hợp lí giữa mảng hiện thực được nói đến và sự việc cụ thể xảy ra trong một văn bản truyện dân gian. Chuỗi chi tiết về sự khác thường của chú bé làng Gióng là sự chuẩn bị hợp lí để kể câu chuyện đánh giặc cứu nước phi thường của Thánh Gióng. Sự liên kết nằm ở trong lô gíc ấy, lô gíc giữa vấn đề truyện muốn phản ánh và hiện thực truyện đang kể. Mỗi đề tài của truyện dân gian phản ánh một phạm vi hiện thực cụ thể của xã hội xưa. Đề tài ấy được cụ thể hoá thành các chủ đề gắn với ý đồ giao tiếp của tác giả dân gian. Để đọc hiểu được một truyện dân gian, trước hết, HS cần xác định đúng đề tài của văn bản bằng cách trả lời: *truyện này nói về ai, việc gì, cái gì?* Sau đó, GV tổ chức cho HS xem xét sự tương xứng, phù hợp giữa đề tài với chủ đề của văn bản truyện bằng các câu hỏi: *Nói về đối tượng đó như thế có phù hợp không? Giữa phạm vi hiện thực được nói tới và nội dung thể hiện phạm vi ấy có quan hệ với nhau như thế nào? Có cách nào khác cùng thể hiện được đề tài theo hướng ấy không?...*

2.2.2.2.2. Phân tích mối quan hệ giữa hệ thống sự việc của truyện với tư tưởng người kể chuyện

Tìm ra lô gíc trong mỗi sự việc hoặc trong cả chuỗi sự việc trong truyện kể để hiểu được tư tưởng của người kể chuyện khi “thiết kế” cốt truyện là một yêu cầu cần thiết đối với HS khi đọc hiểu văn bản truyện kể. Trong truyện dân gian, người kể thường ở ngôi thứ ba, ngôi “người ta kể”. Tuy vậy, ngay cả ở ngôi “người ta kể”, tác giả dân gian cũng vẫn không hoàn toàn “giấu mình”. Những sự việc trong các truyện kể xưa vẫn được tổ chức, sắp xếp để phù hợp với chủ đề, tư tưởng mà tác giả dân gian muốn biểu đạt; đồng thời thể hiện được mối thiện cảm riêng của người kể đối với nhân vật. Sự thiên vị của người kể chuyện trong các truyện dân gian chính là một biểu hiện mạch lạc của văn bản truyện dân gian: mạch lạc trong quan hệ giữa người kể chuyện và chỗ đứng của anh ta. HS nhận thức và phân tích được lô gíc này tức là đã hiểu được tư tưởng của người kể chuyện, các em sẽ không còn băn khoăn về cái cách kể chuyện của người kể, về thái độ, quan điểm của người kể; nhờ đó nắm bắt được chủ đề của truyện một cách trọn vẹn hơn.

2.2.2.2.3. Phân tích quan hệ thời gian, mạng lưới quan hệ nguyên nhân trong truyện dân gian

GV cần tổ chức cho HS tiếp cận và vận dụng tri thức về quan hệ thời gian, quan hệ nguyên nhân để chỉ ra được trình tự hợp lí của các công thức trần thuật trong các truyện dân gian, chỉ ra những công thức cố định mang ý nghĩa quyết định chỗ đứng của văn bản trong môi trường diễn xướng, xem xét vị trí và ý nghĩa điểm dừng của cốt truyện truyện dân gian đang được đọc hiểu.

Ví dụ, khi hướng dẫn HS đọc hiểu truyền thuyết *Thánh Gióng*, GV có thể đặt ra cho HS các yêu cầu hoặc câu hỏi nhằm tìm hiểu mạch lạc thể hiện trong quan hệ thời gian như: *Có nên kể hoàn cảnh đất nước có giặc trước khi kể về sự ra đời của chú bé làng Gióng? Việc giải thích màu vàng của thân tre đằng ngà, các ao hồ, tên làng Cháy có đáng tin cậy không? Vì sao? Nhận xét về các yếu tố có biểu thị ý nghĩa thời gian: “tục truyền rằng”, “bấy giờ”, “vua nhớ công ơn”, “hiện nay” xuất hiện trong truyện.*

Bên cạnh đó, HS cũng nên được hướng dẫn xem xét mạng lưới quan hệ nguyên nhân thể hiện trong trình tự các công thức trần thuật. Mặc dù nội dung kiến thức này hứa hẹn khả năng tư duy bậc cao ở HS nhưng các bài tập tìm hiểu quan hệ nguyên nhân làm nên mạch lạc của truyện cũng chỉ nên được thiết kế đơn giản, ưu tiên phát huy trí tưởng tượng, bởi vì đối với HS THCS, quan hệ lô gíc là một khái niệm trừu tượng, xâu chuỗi quan hệ lô gíc là một việc làm quá sức đối với các em.

Mạch lạc của truyện dân gian nhiều khi lại nằm ở trong sự tưởng tượng phong phú của người kể chuyện. Trí tưởng tượng phong phú của nhân dân tự nó đã xâu chuỗi các tình tiết của câu chuyện thành một mạch truyện kể rất lô gíc. Đặt ra ngoài sự tưởng tượng, lô gíc ấy sẽ không còn tồn tại nữa... Do đó, khi đọc hiểu truyện dân gian, đặc biệt với những thể loại được sinh ra từ trí tưởng tượng của người kể, người nghe nhất thiết phải hòa nhập vào sự tưởng tượng của người kể, đặt mình vào thời đại và văn hóa của truyện dân gian để hiểu được cái mạch lạc đặc thù của truyện kể. Hòa nhập cùng trí tưởng tượng phong phú của nhân dân, HS mới có thể hiểu và chấp nhận được những tình tiết được kể trong các truyện dân gian.

2.2.3. Vận dụng tri thức về các yếu tố liên kết ngoài văn bản vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

2.2.3.1. Về các yếu tố ngoài văn bản của truyện dân gian

Các yếu tố bên ngoài văn bản có khả năng chi phối việc đọc hiểu truyện dân gian của HS THCS là: nguyên tắc cộng tác hội thoại giữa tác giả dân gian và HS, mức độ nắm vững các tri thức về văn học sử, lí luận văn học... của HS, tâm lí và khả năng tiếp nhận phạm vi hiện thực được nói tới trong các truyện dân gian của HS THCS, đặc điểm văn hoá địa phương, đặc biệt là các đặc điểm mang tính chất dân gian... Các yếu tố bên ngoài này ảnh hưởng và chi phối trực tiếp các quan hệ nội tại của văn bản. Chính vì vậy, khi đọc hiểu truyện dân gian, GV cần tổ chức hướng dẫn HS làm sáng tỏ tác động qua lại của các quan hệ hướng ngoại đối với bản thân cấu trúc nội tại của văn bản, trên cơ sở đó khai thác các yếu tố bên ngoài văn bản truyện dân gian để có thể hiểu sâu rộng hơn về văn bản.

2.2.3.2. Khai thác các yếu tố ngoài văn bản trong dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Sau đây là một số thao tác khai thác các yếu tố ngoài văn bản GV có thể thực hiện trong giờ học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS nhằm giúp cho việc phân tích, tổng hợp, đánh giá nội dung và hình thức của văn bản đúng hướng và đúng đắn hơn

2.2.3.2.1. Hướng dẫn HS vận dụng những kiến thức về loại hình văn bản tự sự để phát hiện, phân tích khả năng dung hợp nhau giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật trong truyện cổ và xác định giọng điệu kể chuyện chính của truyện

Ngôn ngữ người kể chuyện trong truyện dân gian thể hiện rất rõ chỗ đứng và quan điểm của nhân dân khi xây dựng các hệ thống nhân vật. Đối với các truyện dân gian, các yếu tố này là cơ sở để HS nhập vai người kể chuyện mà kể chuyện cho đúng giọng (giọng khâm phục, ca ngợi; giọng bảo ban, khuyên răn; giọng chế giễu, châm biếm; giọng coi thường, khinh bỉ; giọng giận dữ, căm tức...). Chọn đúng giọng kể sẽ định hướng đúng đắn cho những sáng tạo trong quá trình kể chuyện.

Có thể đề xuất trình tự các thao tác của khâu phân tích này là:

- HS được yêu cầu đọc kĩ văn bản truyện dân gian ở nhà, có thể làm bảng phân vai cho từng tổ, nhóm hoặc chuyển thể kịch bản.

- HS đọc to văn bản truyện dân gian và xác định chỗ đứng của tác giả dân gian khi kể chuyện (với tư cách là một nhân vật quần chúng, một người ngoài cuộc nhưng cùng thời với nhân vật hay là người kể lại câu chuyện do người đời trước truyền lại...); xác định hoàn cảnh nguyên thủy để diễn xướng truyện dân gian và đối tượng mà văn bản hướng tới: lễ hội, truyền miệng bình dân, khuyên răn con cháu, khuyên răn người đời nói chung...; khớp các yếu tố vừa xác định với đích của văn bản (nhằm khẳng định một giá trị, phê phán một hiện tượng, giáo dục con cháu...).

- HS thảo luận và tìm ra giọng điệu kể chuyện chính của truyện dân gian, những nét đặc sắc trong ngôn ngữ kể chuyện, cách gọi tên, sự chuyển vai...

2.2.3.2.2. Huy động hiểu biết của HS về các lĩnh vực khác, đặt truyện dân gian trong thế đối chiếu với các dị bản khác và các truyện dân gian trong hoặc ngoài nước khác có cùng các mô típ kể chuyện để thấy được sự hợp lí và khả thủ của bản kể được chọn dạy học trong NT

HS THCS đã có những hiểu biết nhất định về các lĩnh vực khác như: lịch sử, địa lí, thiên văn, tâm lí... Bản thân việc dạy học đọc hiểu truyện dân gian cũng hướng đến một mục đích là cung cấp cho HS những tri thức trên các lĩnh vực khác nhau. Tuy vậy, đặc điểm của thế giới cuộc sống trong truyện dân gian không giống như đặc điểm của cuộc sống hiện tại. Bởi thế, đem những gì từ truyện dân gian về với cuộc sống thực tại của HS cũng là một vấn đề cần được người dạy học đọc hiểu truyện dân gian suy nghĩ một cách đúng đắn.

Trong quá trình dạy học đọc hiểu truyện dân gian, GV một mặt cần tổ chức cho HS huy động những hiểu biết của mình về các lĩnh vực khác để tiếp cận, tìm hiểu, so sánh các văn bản truyện dân gian; một mặt định hướng cho các em cách thức xử lý những kiến thức có được từ văn hóa - văn học dân gian để sử dụng trong hoạt động ĐHVB nói chung. Cách làm này có thể phát huy phẩm chất tư duy độc lập và bền vững ở học sinh, đồng thời giúp cho hoạt động đọc hiểu truyện dân gian trở nên có cơ sở vững chắc và mang tính khoa học hơn. Tuy nhiên, cần phải hết sức tránh xu hướng dạy học đọc hiểu truyện dân gian theo quan điểm lịch sử - dân tộc học (tuyệt đối hóa khả năng phản ánh lịch sử của các truyện dân gian, sử dụng văn bản truyện dân gian như là phương tiện để tìm kiếm những chứng cứ lịch sử - dân tộc học), hoặc theo quan điểm văn hóa tổng hợp (xa rời văn bản, chỉ chăm chăm quan tâm đến những sản phẩm vật chất hiện hữu, những sự “vận động như vật chất” của truyện dân gian trong tổng thể văn hóa để suy diễn, tư biện. Dù mở rộng vấn đề của truyện kể, liên hệ tới những yếu tố bên ngoài truyện kể thì sự mở rộng, liên hệ ấy cũng phải xuất phát từ bản kể, xoay xung quanh bản kể và nhằm mục đích trước hết là để hiểu rõ bản kể ấy.

Cũng theo phương diện đã phân tích trên, GV sẽ giúp cho HS ý thức ngay từ đầu về đặc tính dị bản của truyện dân gian. Điều này sẽ giúp các em hiểu văn bản một cách thấu đáo và tránh được những băn khoăn của các em về những sai khác của một số chi tiết, tình tiết của truyện trong quá trình các em tìm hiểu các tài liệu khác có liên quan đến bài học.

Ý thức cho HS về tính dị bản của truyện dân gian nhưng đồng thời GV cũng phải lưu ý HS chú trọng đặc điểm chỉnh thể của văn bản nói chung. Cần giúp HS tự khẳng định được rằng: dị bản được SGK chọn làm văn bản dạy học đọc hiểu là một chỉnh thể văn bản (mặc dù chỉ mang tính tương đối). Văn bản này mang tư cách là một đại diện cho một thể loại truyện dân gian và là những ngữ liệu để dạy học về văn bản tự sự. Cho nên, những bản kể được chọn để dạy học trong nhà trường trước hết sẽ phải thể hiện được rõ nhất những đặc trưng thể loại của truyện dân gian ấy. Mỗi truyện dân gian cũng chỉ có thể chứa đựng những mô típ truyện kể nhất định. Căn cứ vào trình độ nhận thức và đặc điểm tâm lí HS, SGK sẽ chọn bản kể nào có các mô típ truyện kể đòi hỏi tư duy ở mức độ mà HS có thể đáp ứng được khi ĐHVB. GV một mặt định hướng cho HS khai thác theo định hướng và mức độ yêu cầu của SGK; một mặt tổ chức cho HS so sánh với những dị bản có chứa đựng những mô típ truyện kể đòi hỏi mức độ tư duy khó hơn để giúp cho các em nhận thức được sâu hơn về bản kể SGK đang sử dụng. Hoạt động này có thể được thực hiện dưới hình thức thảo luận nhóm tại lớp hoặc hoạt động tự học theo nhóm ngoài giờ. Qua hoạt động và kết quả hoạt động của HS, GV có thể đánh giá tri thức nền tảng và năng lực tư duy, nhận thức của HS trên cả diện

đại trà và riêng với mỗi cá nhân; rồi lấy đó làm một yếu tố cơ sở mà xây dựng hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu truyện dân gian nói riêng và các văn bản nói chung cho phù hợp.

Trình tự các thao tác GV nên thực hiện để đạt được mục đích đã nêu ở trên là:

- GV tổ chức cho HS xác định chủ đề và đích của văn bản, giới thiệu một số dị bản quen thuộc hoặc phổ biến, so sánh các chi tiết đồng dạng trong các dị bản, thay đổi, thêm bớt các công thức trần thuật và gợi ý, định hướng để HS chọn một dị bản làm chính thể văn bản dạy học (thường định hướng để HS thấy văn bản của SGK là tối ưu).

- GV gợi ý, hướng dẫn cho HS gắn dị bản đã chọn với đặc điểm văn hóa địa phương, giai đoạn lịch sử, hoàn cảnh xã hội và hiệu đính những yếu tố cần thiết.

Trong quá trình tổ chức dạy học đọc hiểu, GV phải tổ chức cho HS ý thức được chất dân tộc, sự độc đáo và các giá trị biểu hiện khác của một số mô típ truyện kể chung như: HS phải nhận ra màu sắc của dân tộc Việt Nam qua các chi tiết có liên quan đến cây đa, cây tre, cây cau, cây xoan đào, quả thị... (chứ không phải là cây sồi, cây lê, cây dẻ gai...), mô típ “sinh nở kì lạ” thường bắt đầu từ việc có mang do ướm chân mình vào một vết chân to khác thường, mô típ "dấu hiệu để gặp lại" là miếng trầu têm cánh phượng, tiếng gà gáy (chứ không phải là con thoi bạc hay chiếc nhẫn đeo ở mũi...). Đồng thời, cũng phải hình thành cho HS ý niệm về sự giao hoà tư tưởng giữa các dân tộc, giữa các quốc gia để hướng tới mục đích hình thành kĩ năng đọc hiểu tất cả các văn bản truyện dân gian có cùng mô típ truyện. Nội dung và các thao tác so sánh này thường được sử dụng trong phần mở rộng, nâng cao hoặc kiểm tra, đánh giá cuối giờ đọc hiểu văn bản truyện dân gian.

Đây cũng là một trong những đề xuất về biện pháp dạy học đảm bảo định hướng tích hợp ngôn ngữ - văn học - văn hoá trong dạy học Ngữ văn ở THCS. Để thực hiện được những thao tác dạy học này, trong khâu chuẩn bị, GV không đơn giản chỉ dừng lại ở việc soạn giáo án. GV cần phải đọc rất nhiều các văn bản truyện dân gian, nắm các vấn đề lí luận về văn bản nói chung và truyện dân gian nói riêng, nhận thức rõ các biểu hiện của quan hệ ngoài văn bản của truyện dân gian; đồng thời, GV phải biết huy động sự nhạy cảm văn chương của bản thân để chọn lựa những nội dung phù hợp có thể đưa vào giờ dạy học đọc hiểu một truyện dân gian cụ thể.

2.2.3.2.3. Khai thác môi trường diễn xướng truyện dân gian và các nhân tố giao tiếp liên quan để dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS

Chúng ta không thể xác định được chính xác thời gian, không gian cụ thể để sáng tác một văn bản truyện dân gian, nhưng tái hiện hoàn cảnh diễn xướng cụ thể cho truyện dân gian thì là một việc hoàn toàn có thể làm được.

Ngay cả khi các truyện dân gian đã được cố định hóa trong một khuôn hình văn bản (trong tuyển tập, trong tài liệu sưu tầm) thì việc diễn xướng nó (đọc, kể) cũng vẫn mở ra những khoảng rộng cho những sáng tạo cá nhân. HS có thể kể lại truyện theo các vai, thời, thể khác nhau, có thể đọc phân vai, chuyển thể thành thơ, thành kịch, thành tranh vẽ nhằm tạo ra môi trường diễn xướng sống động cho các truyện dân gian. Được đặt vào thời gian và không khí kể chuyện truyện dân gian, HS được nhập tâm vào truyện để tiếp nhận các vấn đề của văn bản truyện một cách dễ dàng hơn, thoải mái hơn.

Khó khăn và cầu kì hơn, nhưng hiệu quả của việc dạy học thì có lẽ vượt qua sự mong đợi của các nhà biên soạn CT, SGK PT là cách thức tổ chức dạy học theo PPDH mới (ví dụ PPDH theo dự án, hình thức dạy học thông qua trải nghiệm). GV đưa HS vào các hoạt động học tập một cách tự nhiên, tự các em tìm kiếm những kiến thức về văn bản theo định hướng của một nhiệm vụ xã hội nào đó (trong vai một nhà nghiên cứu văn học dân gian, một nghệ nhân kể truyện dân gian, khách nước ngoài...). Việc đọc, nắm cốt truyện và hiểu sơ bộ về văn bản là điều kiện tiên quyết đối với HS, GV cần hướng dẫn HS để các em thực hiện điều kiện này đúng đắn và thống nhất. HS làm việc theo nhóm để tiếp cận sâu hơn, rộng hơn về văn bản thông qua việc tiếp cận và tái hiện trực tiếp môi trường diễn xướng truyện dân gian. Hình thức dạy học này cần có sự đầu tư về thời gian chuẩn bị và cơ sở vật chất. HS cần được khuyến khích khai thác và sử dụng internet hợp lí vì ở đó có khá nhiều thông tin, hình ảnh, phim, kịch liên quan đến việc diễn xướng các truyện dân gian. Ngoài hiệu quả đem lại nhờ giọng kể truyền cảm của người kể chuyện, lời thoại như thật của các nhân vật trong kịch, ngôn ngữ đặc trưng của truyện dân gian, màu sắc và hình ảnh của các chi tiết nhân tạo, HS còn có thể mở rộng tâm văn hoá của mình qua cách bài trí sân khấu, phong nền, trang phục và diễn xuất của diễn viên (trên sân khấu thực hoặc trong tranh ảnh), âm nhạc, tiếng động... Được đắm mình trong không gian truyện cổ, việc hiểu truyện dân gian của HS sẽ toàn diện hơn. Và đây sẽ trở thành tiền đề quan trọng và có ý nghĩa đối với HS khi các em học tạo lập một văn bản tự sự liên quan đến văn hóa dân gian. Và khi làm văn nghị luận về một vấn đề của truyện dân gian (ở THPT), các em còn có thể mang theo "hơi thở" của truyện dân gian vào trong cả những trang viết của mình!

Bên cạnh đó, trong thời gian tiến hành hoạt động dạy học đọc hiểu truyện dân gian, GV có thể sử dụng một số thao tác hoạt động để kiểm tra, từ đó điều chỉnh tâm lí và kĩ năng tiếp nhận văn bản của HS thông qua hệ thống câu hỏi về thời điểm đầu tiên HS tiếp cận văn bản truyện, ấn tượng ban đầu đối với văn bản truyện, dư âm của truyện, những hình ảnh ngôn ngữ của văn bản truyện còn đọng lại...

Những hoạt động này có thể giúp cho giờ học Ngữ văn thêm sức hấp dẫn, lôi cuốn. HS được mở rộng tầm hiểu biết của mình một cách tự nhiên. Mặc dù cốt truyện đã được các em biết từ rất lâu, nhưng cảm giác hiểu về các vấn đề nội dung và hình thức của văn bản truyện trong các em có thể như vừa bắt đầu. Điều này giúp loại bỏ sự nhàm chán của GV và HS khi đọc hiểu một văn bản đã quen đến thuộc. GV có thể lấy mức độ biết và hiểu đồng đều của HS làm xuất phát điểm để tổ chức các hoạt động dạy học đọc hiểu truyện dân gian bằng trực quan, đòi hỏi tư duy mức độ cao ở HS vừa đảm bảo tính vừa sức, tạo sức cho HS, vừa tiết kiệm thời gian cho giờ dạy học. Trong và sau dạy học đọc hiểu các truyện dân gian, GV cũng có thể và nên đưa HS vào những hoạt động ngoại khoá, trong đó, trách nhiệm của GV là hướng dẫn để HS mở rộng, nâng cao các tri thức nền tảng và kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động đọc hiểu truyện dân gian của HS.

Luận án này đã không đề xuất một quy trình dạy học ĐHV B truyện dân gian cụ thể, bởi NNHV B chỉ là một phương tiện để dạy học ĐHV B; vận dụng tri thức nào của NNHV B vào bài học cụ thể nào, tiến hành các thao tác cụ thể ra sao, theo trình tự nào là do chính văn bản đọc hiểu quyết định. Việc sắp xếp các thao tác dạy học ĐHV B truyện dân gian trên cơ sở vận dụng NNHV B như trên là dựa vào những hoạt động cơ bản của một bài học ĐHV B. Quá trình triển khai hoạt động dạy học bao giờ cũng phát sinh ra những tình huống cụ thể và mới mẻ, GV cần bám sát những tình huống ấy để tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo yêu cầu thực tế và vừa sức đối với HS.

CHƯƠNG 3

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích thực nghiệm

Mục đích thực nghiệm (TN) của luận án là nhằm kiểm chứng tính khả thi và tính hiệu quả của một cách thức dạy học ĐHV B mới: vận dụng NNHV B vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS.

3.2. Địa bàn, thời gian và đối tượng TN

- Địa bàn TN:

1. Trường THCS Đoàn Kết, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu
2. Trường THCS Thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
3. Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành, ĐHS P Hà Nội, Thành phố Hà Nội
4. Trường THCS Nam Chấn, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
5. Trường THCS Đông Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

- Đối tượng TN: HS lớp 6 THCS và GV dạy Ngữ văn lớp 6

3.3. Nội dung và cách thức tiến hành TN

3.3.1. Nội dung TN

Dạy học theo giáo án TN 5 tiết ở mỗi lớp TN: 2 tiết truyền thuyết (*Thánh Gióng*), 2 tiết truyện cổ tích (*Thạch Sanh*), 1 tiết truyện ngụ ngôn (*Ếch ngồi đáy giếng*). Giáo án TN được triển khai thể hiện rõ tinh thần vận dụng NNHVB vào dạy học ĐHVB, nhưng vẫn đảm bảo bám sát các mục tiêu và yêu cầu của CT, SGK và SGV.

3.3.2. Cách thức tiến hành TN

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch thực nghiệm. .
- Bước 2: Tổ chức dạy học thực nghiệm và đối chứng.
- Bước 3: Tổng hợp, xử lý số liệu và đánh giá kết quả TN.

3.4. Tiêu chí đánh giá kết quả thực nghiệm

Sau khi hoàn thành dạy học TN và đối chứng (ĐC), cả hai nhóm đối tượng HS cùng làm chung một bài kiểm tra 1 tiết. Đề bài do chúng tôi ra gồm 5 bài tập nhỏ đòi hỏi các mức độ tư duy từ thấp đến cao; HS thực hiện đúng yêu cầu của mỗi bài đạt 2/10 điểm. Đề bài cụ thể như sau:

BÀI KIỂM TRA 1 TIẾT

(ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN DÂN GIAN)

Câu 1: Truyền thuyết *Thánh Gióng* và truyện cổ tích *Thạch Sanh* có viết về cùng một đề tài không? Tại sao?

Câu 2: Sắp xếp những sự việc sau sao cho thể hiện đúng nhất trình tự kể truyện *Thánh Gióng*:

- (1) Vua nhớ ơn, phong danh hiệu, lập đền thờ.
- (2) Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ, cưỡi ngựa sắt, mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt đi đánh giặc.
- (3) Sự ra đời của Thánh Gióng.
- (4) Thánh Gióng lớn nhanh như thổi.
- (5) Thánh Gióng biết nói và nhận trách nhiệm đánh giặc.
- (6) Thánh Gióng đánh tan giặc.
- (7) Những dấu tích còn lại của Thánh Gióng.
- (8) Thánh Gióng lên núi, cởi bỏ áo giáp sắt bay về trời.

Câu 3: Tìm trong văn học dân gian (truyện ngụ ngôn, thành ngữ, tục ngữ, ca dao...) những văn bản có cùng chủ đề với truyện cười *Treo biển*.

Câu 4: Lời kể “Ngày xưa, ...” ở phần đầu các truyện như *Con Rồng cháu Tiên*, *Sọ Dừa*, *Thạch Sanh*, *Cây bút thần*...có ý nghĩa như thế nào?

Câu 5: Kể một chuyện nói về hiện tượng “ếch ngồi đáy giếng” mà em biết. với các tiêu chí đánh giá:

- + Mức độ hoàn thành công việc được giao.
- + Khả năng vận dụng tri thức NNHVB vào dạy học (mức độ tư duy đạt được, sự hợp lí và nhuần nhuyễn trong vận dụng)

+ Thang điểm 10

3.5. Phương pháp xử lý kết quả TN

Việc xử lý các kết quả TN được chúng tôi tiến hành theo *phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục*.

3.6. Kết quả đo nghiệm

Số lớp TN: 10, Số lớp ĐC: 10, Tổng số bài TN: 379, Tổng số bài ĐC: 393

Kết quả TN được tổng hợp, phân tích trong các bảng sau:

Bảng 3.4: Bảng phân phối tần số

| x_i (điểm) | Tần số | |
|-----------------|------------|------------|
| | Nhóm TN | Nhóm ĐC |
| 0 | 0 | 0 |
| 1 | 0 | 0 |
| 2 | 0 | 4 |
| 3 | 3 | 9 |
| 4 | 7 | 22 |
| 5 | 42 | 95 |
| 6 | 68 | 94 |
| 7 | 128 | 92 |
| 8 | 82 | 62 |
| 9 | 38 | 15 |
| 10 | 11 | 0 |
| Cộng: | 379 | 393 |

Bảng 3.5: Bảng phân phối tần suất

| x_i (điểm) | Tần suất | |
|-----------------|-------------|-------------|
| | Nhóm TN | Nhóm ĐC |
| 0 | 0,0 | 0,0 |
| 1 | 0,0 | 0,0 |
| 2 | 0,0 | 1,0 |
| 3 | 0,8 | 2,3 |
| 4 | 1,9 | 5,6 |
| 5 | 11,1 | 24,2 |
| 6 | 7,9 | 23,9 |
| 7 | 33,8 | 23,4 |
| 8 | 21,6 | 15,8 |
| 9 | 10,0 | 3,8 |
| 10 | 2,9 | 0,0 |
| Cộng: | 100% | 100% |

Bảng 3.6: Bảng so sánh tần suất lũy tích từ lớn xuống ($w_{(\geq i)}$)

| Điểm x_i | Số % HS đạt từ điểm x_i trở lên | |
|---------------|-----------------------------------|---------|
| | Nhóm TN | Nhóm ĐC |
| 0 | 100 | 100 |
| 1 | 100 | 100 |
| 2 | 100 | 100 |
| 3 | 100 | 99 |
| 4 | 99,2 | 96,7 |
| 5 | 97,3 | 91,1 |
| 6 | 86,3 | 66,9 |
| 7 | 68,3 | 43,0 |
| 8 | 34,5 | 19,6 |
| 9 | 12,9 | 3,8 |
| 10 | 2,9 | 0 |

Khi biểu diễn trên đồ thị, đường lũy tích “từ lớn xuống” ứng với nhóm TN nằm ở phía trên và bên phải so với đường lũy tích “từ lớn xuống” ứng với nhóm ĐC (kể từ điểm 3 trở lên). Điều đó có nghĩa là chất lượng học tập của nhóm TN cao hơn chất lượng học tập của nhóm ĐC.

Ngoài ra, chúng tôi còn thu gọn các bảng số liệu thành các tham số đặc trưng: trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn. Các giá trị của các tham số đặc trưng đều cho thấy rằng: kết quả TN đủ tin cậy để rút ra các kết luận sư phạm.

3.7. Đánh giá chung về quá trình TN và một số kết luận sư phạm

3.7.1. Quá trình TN thuận lợi đem lại kết quả khả quan. Bước đầu cho thấy những đề xuất đổi mới về nội dung và cách thức dạy học của luận án là khả thi.

3.7.2. Việc đưa thêm vào bài học nội dung kiểm tra và vận dụng tri thức NNHVB đã làm cho tính chất của giờ học có vẻ hóc búa hơn. Các GV phải cố gắng diễn đạt ngôn ngữ và thể hiện sự khéo léo trong dẫn dắt giờ học để vừa giữ được không khí tự nhiên của giờ đọc hiểu truyện dân gian bình thường, vừa đảm bảo mục tiêu và nội dung vận dụng NNHVB như yêu cầu của TN. Ở những tiết học TN sau, khi cách thức tổ chức hoạt động cho HS của GV đã nhuần hơn, HS đã hiểu mục đích và cách thức làm việc; đồng thời cả GV và HS càng nhận thấy rõ hơn ý nghĩa của NNHVB đối với việc ĐHVB thì không khí dạy học càng trở nên sôi nổi và hiệu quả của hoạt động dạy học cũng tăng lên. Các GV chủ yếu sử dụng PP gợi mở - nêu vấn đề, đối thoại, so sánh, liên hệ để giúp HS tái hiện tri thức, vận dụng tri thức một cách tự nhiên. Phân tổ chức thực hành và kiểm tra, các GV hướng dẫn HS làm việc rất nhanh, đúng và đủ thời gian, kiểm tra sát sao khâu thực hiện của từng HS. Sau giờ TN, nhìn chung các GV cảm thấy hứng thú với cách tổ chức giờ học như thế này. GV phải làm việc vất vả hơn, nhưng cảm thấy thoải mái vì thực hiện được nhiều mục đích, nhiệm vụ trong cùng một thời gian dạy học: tiếp cận văn bản truyện dân gian một cách toàn diện, khoa học, củng cố những kiến thức NNHVB quan trọng mà học sinh sẽ còn phải sử dụng lâu dài trong tương lai. Theo các GV, PP này thể hiện rõ sự phối hợp giữa học và hành, sự tích hợp giữa Ngữ và Văn, giúp HS làm quen với cách tư duy phức hợp, nhờ đó mà phát triển tư duy một cách toàn diện.

3.7.3. Việc sử dụng các tri thức NNHVB nào để ĐHVB và đọc hiểu như thế nào nhiều khi do chính HS tự xác định, GV chỉ đóng vai trò gợi mở, dẫn dắt, điều chỉnh, bổ sung và đánh giá. HS thực sự là những chủ thể nhận thức, biết cách thực hiện các thao tác học tập và chủ động tạo ra một không khí học tập hiện đại. Trong những điều kiện học tập khác nhau, HS ở lứa tuổi 12 -13 khá đồng đều về năng lực cảm nhận tri thức khoa học xã hội và nhân văn, tiềm tàng một khả năng sáng tạo to lớn. Có thể nói rằng nội dung và cách thức dạy học TN có thể áp dụng được cho HS ở những vùng miền khác nhau, phù hợp với thực tế dạy học Ngữ văn ở THCS.

3.8.4. Quá trình khảo sát và triển khai TN cũng cho thấy một số vấn đề tồn tại trong việc dạy học Ngữ văn ở trường THCS hiện nay hoàn toàn có thể khắc phục được.

KẾT LUẬN

1. Mục tiêu đào tạo của môn học Ngữ văn trong NT là rèn luyện cho HS năng lực tiếp nhận và tạo lập các loại văn bản, nâng cao khả năng tư duy và diễn đạt bằng ngôn ngữ về các vấn đề khoa học hoặc hiện thực. Để đạt mục tiêu này, môn Ngữ văn đồng thời còn nhằm cung cấp một hệ thống tri thức PT về văn học dân tộc và văn học thế giới, về ngôn ngữ và tiếng Việt, về lí luận văn học, lịch sử văn học và văn hoá, tạo cơ sở để hình thành cho HS các năng lực đọc, viết văn bản, năng lực cảm thụ thẩm mỹ, phát triển tư duy, có PP học tập và thói quen tự học Ngữ văn, biết tìm tòi, phát hiện, suy nghĩ, giải quyết vấn đề; đó là một phần quan trọng trong nền tảng của sự phát triển trí tuệ và nhân cách suốt đời của các em.

Mỗi con người làm việc trong xã hội hiện đại, hàng ngày sẽ phải tiếp xúc và tiếp nhận nhiều loại văn bản khác nhau. Việc tiếp nhận các thông tin từ văn bản luôn đòi hỏi phải đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác và trong một số trường hợp, người tiếp nhận còn phải có phản ứng tức thời phù hợp. Hướng nghiên cứu vận dụng tri thức NNHVB vào dạy học ĐHVB, trước hết là văn bản truyện dân gian ở THCS được mở ra nhằm thiết thực đáp ứng yêu cầu đó của xã hội.

2. Việc khảo sát SGK Ngữ văn THCS cho thấy các tác giả SGK đã thể hiện ý tưởng vận dụng NNHVB vào việc dạy học Văn, nhưng chưa có những gợi ý xác đáng về phạm vi, đối tượng và cách thức vận dụng NNHVB vào những dạng bài học cụ thể. Việc đưa các kiến thức NNHVB vào các bài học Làm văn đồng thời với việc dạy học ĐHVB truyện dân gian đã thể hiện được quan điểm tích hợp - liên môn trong xây dựng CT và tạo thuận lợi cho việc triển khai hoạt động dạy học của GV: một mặt cung cấp ngữ liệu gần gũi, thực tiễn, phù hợp cho giờ học Làm văn; một mặt chứng minh, áp dụng tri thức lí thuyết về văn bản vào việc dạy học một loại văn bản cụ thể. Cách thiết kế nội dung như thế là tiết kiệm thời gian và vừa sức với HS. Nếu có thể đưa thêm hoặc làm rõ hơn một số kiến thức NNHVB có liên quan đến việc ĐHVB trong CT để lí thuyết hóa và khắc sâu hơn những nội dung kiến thức các em vừa học được từ những văn bản cụ thể thì điều đó sẽ có ý nghĩa to lớn đối với việc tích lũy kiến thức của HS, tạo sức cho HS ở những cấp học tiếp theo.

Kết quả tìm hiểu thực tiễn dạy học ở trường PT cho thấy HS có thể đã biết đến một số kiến thức NNHVB cần yếu, nhưng các em không biết đích xác thuật ngữ ngôn ngữ học nào tương ứng với kiến thức ấy và cũng chưa ý thức được sẽ đưa những hiểu biết ấy vào hoạt động gì, để làm gì. GV thì thấy rõ là việc dạy học những tri thức ngôn ngữ học đã khó, việc vận dụng những tri thức ấy một cách hợp lí còn khó hơn, nên dù biết NNHVB rất có ý nghĩa

đối với việc dạy học ĐHVB nhưng nhiều thầy cô vẫn né tránh việc lí giải và sử dụng tri thức của phân ngành này.

Từ những lí do trên, chúng tôi đã nghiên cứu các nội dung lí thuyết NNHVB làm cơ sở khoa học để vận dụng thể nghiệm một hướng đổi mới PPDH Ngữ văn hiện đại: dạy ĐHVB là dạy một hoạt động và bằng hoạt động thực hành cụ thể.

Cơ sở lí thuyết và thực tiễn đã giúp chúng tôi xác định tính khoa học, tính cấp thiết và hướng triển khai của đề tài nghiên cứu.

3. Chúng tôi đã chọn lựa những nội dung kiến thức NNHVB có ý nghĩa đối với việc dạy học ĐHVB và đề xuất một số cách thức cụ thể nhằm vận dụng tri thức về các đặc trưng của văn bản để dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở THCS. Cách thức tổ chức vận dụng và các thao tác dạy học đọc hiểu các truyện dân gian cụ thể được đề xuất hoàn toàn xuất phát từ những đặc trưng văn bản của truyện dân gian. Do truyện dân gian gồm nhiều thể loại, các thể loại có những đặc trưng hình thức văn bản không giống nhau; mặt khác, hoạt động dạy học ĐHVB trong NT cũng không chấp nhận một khuôn mẫu, trình tự cố định nào nên chúng tôi đã không đề xuất quy trình tổ chức vận dụng NNHVB vào dạy học ĐHVB chung mà chỉ đề xuất một số cách thức vận dụng những tri thức NNHVB cụ thể vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian. Nội dung này được thể hiện trong sự gắn bó chặt chẽ với các bước lên lớp, các hoạt động dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở CT Ngữ văn THCS.

Trong quá trình tổ chức dạy học, việc xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm của một giờ dạy học Ngữ văn luôn được ý thức thường trực: trang bị cho HS đủ tri thức, rèn luyện kĩ các thao tác nhận diện và biết vận dụng sáng tạo. Hơn thế, luận án đề xuất việc dạy học Tiếng Việt trong sự tích hợp với việc dạy học Văn nên còn luôn chú ý đến sự phù hợp giữa kiến thức Văn và Ngữ, cân nhắc mặt chủ quan và khách quan trong vấn đề tiếp nhận văn bản.

Các PP, BP dạy học tích cực được sử dụng trong dạy học vừa như là điều kiện thúc đẩy, vừa như là hệ quả kéo theo của việc vận dụng NNHVB vào dạy học. GV được khuyến khích và đề nghị sử dụng thường xuyên PP giao tiếp trong dạy học Ngữ văn để đưa đơn vị ngôn ngữ vào hoạt động hành chức của nó, ưu tiên sử dụng các câu hỏi mở, các bài tập đòi hỏi tư duy bậc cao ở người học, thủ pháp so sánh đối chiếu, tăng cường tổ chức cho HS các hoạt động thực hành, thảo luận nhóm, áp dụng quy trình dạy học trải nghiệm, sử dụng các phương tiện kĩ thuật hiện đại trong dạy học... Luận án đã TN cách thức tổ chức vận dụng NNHVB để dạy học đọc hiểu một số văn bản là các truyện dân gian trong CT Ngữ văn THCS với sự hỗ trợ của các PP, BP dạy học tích cực nói trên.

4. Tính khả thi của đề tài đã được khẳng định qua việc dạy học TN ở 5 trường THCS ở các vùng khác nhau ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta. Kết quả của dạy học TN cho thấy chất lượng giờ học ở các lớp TN cao hơn các lớp ĐC. HS nắm bắt những tri thức NNHVB một cách tự nhiên và chắc chắn

hơn, có khả năng vận dụng tri thức lí thuyết vào một hoạt động thực hành cụ thể: hoạt động ĐHV.B. Giờ học Ngữ văn mang tính khoa học hơn, phát huy được tính tích cực trong hoạt động nhận thức của HS; đồng thời vẫn tạo điều kiện cho GV tìm tòi và sáng tạo trong dạy học. Kết quả đó có ý nghĩa khẳng định việc vận dụng tri thức NNHVB vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian phù hợp với trình độ nhận thức và năng lực tư duy của HS THCS, phù hợp với nguyện vọng của GV và có thể triển khai trên diện rộng. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là một hướng trong rất nhiều hướng triển khai giờ dạy học ĐHV.B truyện dân gian. Mỗi hướng dạy học có khả năng sử dụng các PP, BP khác nhau, đều có những ưu thế riêng, điều quan trọng là GV và HS vận dụng và phát huy những ưu thế đó trong những giờ dạy học cụ thể như thế nào.

Đổi mới PP nhằm nâng cao chất lượng dạy học Ngữ văn là một nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục hiện nay. Trong xã hội hiện đại, khi khối lượng tri thức của nhân loại đã và đang tăng lên vùn vụt, NT hiện nay đã xác định rõ hướng dạy cách thức tiếp nhận và tạo lập các giá trị văn hóa thay vì dạy các tri thức văn hóa cụ thể, để khi ra đời, HS có thể đối diện và giải quyết được những vấn đề ngày càng phức tạp và tinh tế trong công việc, cũng như trong cộng đồng và cuộc sống cá nhân của mình. Trong tình hình việc dạy học môn Ngữ văn ở trường PT chưa tạo ra được sức hấp dẫn đối với HS và xã hội, chúng tôi thấy cần thiết phải đưa ra những PP, BP dạy học Ngữ văn khoa học, hiệu quả mà vẫn đảm bảo tính hấp dẫn của giờ học dạy học Ngữ văn. Làm mới kiến thức và đòi hỏi HS phải giải quyết những điều phức hợp hơn hoặc mang tính khoa học chính là một cách làm cho giờ học thêm hấp dẫn. NNHVB có mặt trong những giờ dạy học đọc hiểu văn bản sẽ góp phần làm sáng tỏ, toàn diện, chính xác hóa, khoa học hóa những vấn đề vốn tồn tại và được tiếp thu một cách đơn giản, xuôi chiều và cảm tính; hơn thế còn tạo ra được động thái tích cực cho tư duy của HS PT.

Mặc dù đã rất cố gắng trong việc thể hiện rõ ý tưởng và cụ thể hoá ý tưởng ấy thành những đề xuất của mình, nhưng việc vận dụng tri thức NNHVB để dạy học đọc hiểu truyện kể dân gian vẫn là một vấn đề còn ẩn chứa nhiều khả năng khám phá khác và chắc chắn chúng tôi vẫn chưa đi hết được con đường mình muốn đi. Chúng tôi cho rằng: hướng nghiên cứu này phù hợp với xu thế đổi mới và hiện đại hóa PPDH hiện nay; bản thân vấn đề nghiên cứu thì thực sự hấp dẫn. Chúng tôi sẽ còn tiếp tục nghiên cứu để mở rộng và đào sâu vấn đề này trong tương lai.